

Số: 16/BC-UBND

Thượng Lộ, ngày 22 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO
Kết quả thống kê đất đai năm 2018

Căn cứ Điều 34 Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTNMT ngày 27/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-C và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Thực hiện Công văn số 07/TNMT ngày 22/01/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nam Đông về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2018.

Ủy ban nhân dân xã Thượng Lộ báo cáo công tác thống kê đất đai năm 2018 với các nội dung như sau:

1. Nguồn tài liệu sử dụng trong thống kê đất đai năm 2018

- Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Kết quả kiểm kê đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 của xã Thượng Lộ.

- Bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính.

- Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất của cá nhân, tổ chức đang sử dụng đất tại địa phương.

2. Hiện trạng sử dụng đất tính đến ngày 31/12/2018

Hiện trạng sử dụng đất xã Thượng Lộ đến ngày 31/12/2018 được thể hiện qua bảng biểu sau:

Thứ tự	LOẠI ĐẤT	Mã	Tổng diện tích các loại đất trong đơn vị hành chính	Cơ cấu diện tích loại đất so với tổng diện tích trong đơn vị hành chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		10643.53	100.00

1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	10473.40	98.40
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	308.36	2.90
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	34.99	0.33
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.80	0.09
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	25.18	0.24
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	273.37	2.57
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	10160.23	95.46
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	1330.31	12.50
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	1925.17	18.09
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	6904.75	64.87
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4.81	0.05
1.4	Đất làm muối	LMU		
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH		
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	168.32	1.58
2.1	Đất ở	OCT	10.88	0.10
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	10.88	0.10
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	66.51	0.62
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0.68	0.01
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	0.30	0.00
2.2.3	Đất an ninh	CAN		
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0.91	0.01
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK		
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	64.62	0.61
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON		
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3.22	0.03
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	87.71	0.82
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1.81	0.02
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	1.81	0.02
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS		

3. Đánh giá tình hình biến động về sử dụng đất so với năm 2017

Theo số liệu thống kê tính đến ngày 31/12/2018 tổng diện tích tự nhiên là 10643.53 không biến động so với năm 2017. Cụ thể các loại đất như sau:

3.1. Nhóm đất nông nghiệp:

Diện tích năm 2018 là 10473.40 ha không biến động so với năm 2017, Cụ thể như sau:

- **Đất trồng lúa:** Diện tích năm 2018 là 9.8 ha, không biến động so với năm 2017.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Diện tích năm 2018 là 25.18 ha, không biến động so với năm 2017.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Diện tích năm 2017 là 273.37 ha, không biến động so với năm 2017

- **Đất lâm nghiệp:** Diện tích năm 2018 là 10160.23 ha, không biến động so với năm 2017

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Diện tích năm 2018 là 4.81 ha, không biến động so với năm 2017.

3.2. Nhóm đất phi nông nghiệp:

Diện tích năm 2018 là 168.32 ha, tăng 1.39 ha so với năm 2017:

- **Đất ở nông thôn:** Diện tích năm 2018 là 10.88 ha không biến động so với năm 2017.

- **Đất chuyên dùng:** Diện tích năm 2018 là 66.51 ha không biến động so với năm 2017

- **Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Diện tích năm 2018 là 3.22 ha, không biến động so với năm 2017.

3.3. Nhóm đất chưa sử dụng:

Diện tích năm 2018 là 1.81 ha, không biến động so với năm 2017.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Thống kê đất đai là một nội dung quan trọng trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai đã được quy định tại Điều 34 Luật đất đai năm 2013.

Số liệu thu thập phục vụ công tác thống kê đất đai năm 2018 là đáng tin cậy, có cơ sở pháp lý để đánh giá đúng hiện trạng sử dụng đất, đối tượng sử dụng đất, làm tài liệu điều tra cơ bản về tài nguyên đất phục vụ cho việc xây dựng và đánh giá tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, các ban ngành và địa phương. Qua thống kê đất đai năm 2018 đã kiểm tra, đánh giá được việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương trong thời gian vừa qua.

4.2. Kiến nghị

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến những chính sách về đất đai để người sử dụng đất hiểu rõ và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của mình.

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tổ chức các lớp tập huấn về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Trang thiết bị vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý đất đai cần được quan tâm đầu tư như máy vi tính, công nghệ và các tài liệu liên quan khác...

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất đăng ký kê khai, lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận.

- Tiến hành rà soát việc lập, cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính để đảm bảo mọi trường hợp cấp Giấy chứng nhận phải được cập nhật theo quy định; đưa

công tác này đi vào nề nếp, trước mắt đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi biến động đất đai.

- Xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, nhất là liên quan đến thủ tục hành chính và đẩy nhanh cải cách hành chính nhằm tạo điều kiện cho người dân thực hiện được quyền lợi và nghĩa vụ của mình dễ dàng hơn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc quản lý sử dụng đất, xử lý sau thanh tra.

Trên đây là báo cáo thông kê đất đai năm 2018 của UBND xã Thượng Lộ./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND xã;
- Phòng TN&MT, VPĐKQSDD huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Chính